**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II- ĐỊA LÍ 9**

**Bài 15: Thương mại và du lịch**

**Câu 1.** Nhờ những điều kiện nào mà nước ta buôn bán nhiều với thị trường Châu Á – Thái Bình Dương.**?**

**ĐÁP ÁN:**

+ Có vị trí dịa lí thuận lợi cho việc vận chuyển, giao nhận hàng hóa, các mối liên hệ có tính truyền thống.

+ Thị hiếu con người tiêu dùng có nhiều điểm tương đồng.

+ Tiêu chuẩn hàng hóa không cao, phù hợp với trình độ sản xuất còn thấp của Việt Nam.

**Bài 17+ 18: Vùng trung du và miền núi Bắc bộ**

**Câu 2. Hãy nêu ý nghĩa vị trí địa lí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?**

**ĐÁP ÁN:**

**-** Có vị trí chiến lược về an ninh quốc phòng.

**-** Có điều kiện giao lưu kinh tế với các nước trong khu vực và các vùng kinh tế trong nước.

**-** Phát triển kinh tế cả đất liền và kinh tế biển.

**Câu 3. Trình bày đặc điểm phát triển nghành du lịch của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?**

**ĐÁP ÁN:**

- Điều kiện phát triển: Nhiều tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch lịch sử cách mạng.

- Khó khăn: Tài nguyên du lịch 1 số nơi bị suy thoái, ô nhiễm.

- Sản phẩm du lịch: hướng về cội nguồn, du lịch sinh thái.

- Các điểm du lịch nổi tiếng: Hạ Long, Lạng Sơn, Điện Biên,…

**Bài 20+ 21: Vùng đồng bằng sông Hồng**

**Câu 4. Hệ thống đê đièu ở vùng Đồng bằng sông Hồng có ý nghĩa như thế nào đối với đời sống và sản xuất**

**ĐÁP ÁN:**

- Tránh được nguy cơ phá hoại của lũ lụt hàng năm do sông Hồng gây ra, đặc biệt vào mùa mưa bão.

- Làm cho diện tích đất phù sa của Đồng bằng sông Hồng không ngừng được mở rộng về phía biển.

- Làm cho địa bàn phân bố dân cư được phủ khắp châu thổ, làng mạc trù phú, dân cư đông đúc.

**Câu 5 . Trình bày đặc điểm phát triển ngành công nghiệp của vùng Đồng bằng sông Hồng?**

**ĐÁP ÁN:**

**-** Hình thành sớm và phát triển mạnh trong thời kì CNH – HĐH

**-** Giá trị sản xuất công nghiệp tăng mạnh, chiếm 21% GDP công nghiệp của cả nước (năm 2002)

**-** Phần lớn giá trị sản xuất công nghiệp tập trung ở Hà Nội, Hải Phòng.

**-** Các ngành công nghiệp trọng điểm: chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp cơ khí.

**-** Các sản phẩm công nghiệp: máy công cụ, động cơ điện, phương tiện giao thông, thiết bị điện tử, hàng tiêu dùng…

**Bài 15: Thương mại và du lịch**

# **Câu 1** Vì sao nóiHà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có những điều kiện thuận lợi nào để trở thành các trung tâm thương mại, dịch vụ lớn nhất cả nước?

**ĐÁP ÁN:**

**-** Có vị trí địa lí đặc biệt thuận lợi, nằm ở trung tâm của hai miền Bắc và Nam.

**-** Có dân cư tập trung đông đúc, thị trường tiêu thụ rộng lớn

**-** Trung tâm kinh tế lớn của cả nước

**-** Có nhiều chợ, các trung tâm thương mại, các siêu thị…

- Hệ thống giao thông thuận lợi có nhiều loại đường (sắt, ô tô, không, thủy) là đầu mối giao thông vận tải, viễn thông lớn nhất cả nước…

**Bài 17+ 18: Vùng trung du và miền núi Bắc bộ**

## Câu 2: Phân tích ý nghĩa của việc phát triển nghề rừng theo hướng nông - lâm kết hợp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**ĐÁP ÁN:**

+ Nâng cao độ che phủ rừng, góp phần vào việc bảo vệ môi trường.

+ Hạn chế lũ quét, trượt lở đất, khô hạn, điều tiết dòng chảy của các sông suối.

+ Giúp cho các nhà máy thủy điện hoạt động được tốt hơn, giảm lũ lụt, hạn hán cho vùng hạ du.

+ Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo tập quán sản xuất mới cho đồng bào các dân tộc.

+ Tăng nguồn nguyên liệu lâm sản cho ngành chế biến lâm sản, nguồn vật liệu và chất đốt cho sinh hoạt.

+ Góp phần phát triển du lịch sinh thái.

## Câu 3: Vì sao khai thác khoáng sản là thế mạnh của tiểu vùng Đông Bắc, còn phát triển thủy điện là thế mạnh của tiểu vùng Tây Bắc?

## ĐÁP ÁN:

## - Khai thác khoáng sản là thế mạnh của tiểu vùng Đông Bắc vì đây là vùng có nhiều khoáng sản nhất nước ta, quan trọng như:

## + Than (Quảng Ninh, Thai Nguyên, Lạng Sơn)

## + Sắt (thái Nguyên, Yên Bái, Hà Giang)

## + Thiếc, mangan, bô xít (Cao Bằng),…

## - Phát triển thủy điện là thế mạnh của tiểu vùng Tây Bắc vì sông Đà có trữ năng thủy điện rất lớn (khoảng 6 triệu kw, chiếm 20% nguồn thủy năng của cả nước).

**Bài 20+ 21: Vùng đồng bằng sông Hồng**

## Câu 4. Sản xuất lương thực ở Đồng bằng sông Hồng có tầm quan trọng như thế nào đối với kinh tế và đời sống?

## ĐÁP ÁN:

- Đảm bảo nhu cầu lương thực cho nhân dân của vùng, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu.

- Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi (lương thực hoa màu), góp phần đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp.

**-** Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm.

**-** Giải quyết việc làm cho lao động, sử dụng hợp lí tài nguyên (đất trồng, nguồn nước…)

**Bài 15: Thương mại và du lịch**

## Câu 1. Cho bảng số liệu: Cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo nhóm hàng của nước ta năm 2018 (đơn vị %)

|  |  |
| --- | --- |
| Nhóm hàng | Giá trị xuất khẩu (%) |
| Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản | 56,2 |
| Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp | 31,2 |
| Hàng nông-lâm-thủy sản | 12,6 |

## *(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB thống kê, 2019)*

## Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo nhóm hàng của nước ta năm 2018.

## ĐÁP ÁN GỢI Ý

## Vẽ đúng biểu đồ tròn, ghi đầy đủ đơn vị, năm, số liệu, chú thích, tên biểu đồ (sai, thiếu mỗi ý trừ 0,25 điểm). Các biểu đồ khác không chấm điểm.

## Bài 16. Thực hành: Vẽ biểu đồ về thay đổi cơ cấu kinh tế

## Câu 2. Cho bảng số liệu: Cơ cấu GDP theo giá thực tế phân theo khu vực kinh tế nước ta giai đoạn 2000-2019. (Đơn vị %)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** Khu vực | 2000 | 2005 | 2010 | 2015 | 2019 |
| Tổng số | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| Nông, lâm, ngư nghiệp | 24,6 | 21,0 | 18,9 | 18,2 | 15,5 |
| Công nghiệp – xây dựng | 36,7 | 38,0 | 38,2 | 38,6 | 40,5 |
| Dịch vụ | 38,7 | 41,0 | 42,9 | 43,2 | 44,0 |

## *(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB thống kê, 2020)*

## Vẽ biểu đồ miền thể hiện cơ cấu GDP theo giá thực tế phân theo khu vực kinh tế nước ta giai đoạn 2000-2019.

## ĐÁP ÁN GỢI Ý

## Vẽ đúng biểu đồ miền, ghi đầy đủ đơn vị, năm, số liệu, chú thích, tên biểu đồ (sai, thiếu mỗi ý trừ 0,25 điểm). Các biểu đồ khác không chấm điểm.

**Bài 17+ 18: Vùng trung du và miền núi Bắc bộ**

## Câu 3. Dựa vào Atlat Địa lý Việt Nam:

## a. Kể tên các tỉnh thành Việt Nam tiếp giáp biên giới của Trung Quốc?

## b. Kể tên các cửa khẩu quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc?

## c. Kể tên các vườn quốc gia của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

## HẾT